

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/02/2022

“*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhuận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khóm Y, Phường X, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm Y, Phường X, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A trình bày: Chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2016, tại Ủy ban nhân dân Phường X, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống có 02 con chung: Cháu C, sinh ngày 03/6/2017; cháu D, sinh ngày 02/8/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị A và anh B bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Về con chung: Cháu C, sinh ngày 03/6/2017; cháu D, sinh ngày 02/8/2018 khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung anh thống nhất với lời trình bày của chị Tố Anh. Tuy nhiên, anh B không đồng ý ly hôn với chị A vì anh B xác định mâu thuẫn giữa anh và chị A là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, hai bên có thể tự giải quyết được. Trường hợp chị A cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý nhưng anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng anh và chị A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A được ly hôn với anh B. Về con chung: Giao 02 cháu C, sinh ngày 03/6/2017 và cháu D sinh ngày 02/8/2018 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.490.000 đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 11/02/2022 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường X, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2016 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B và nuôi con chung, đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn*”, anh B hiện đang cư trú tại Khóm Y, Phường X, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, chị A và anh B sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh B có những hành vi chửi bới, xúc phạm danh dự chị A nên đầu năm 2020 chị A có làm đơn xin ly hôn và gửi đến Tòa án nhân dân thị xã R. Tuy nhiên, để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng chị A đã rút lại đơn khởi kiện. Từ khi rút đơn khởi kiện cho đến nay anh B vẫn không thay đổi, do đó chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn chị cũng đã về nhà mẹ ruột ở được 03 tháng nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên chị A đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh B. Còn anh B xác định không đồng ý ly hôn với chị A, anh B thừa nhận giữa anh và chị A có xảy ra mâu thuẫn như chị A trình bày, nhưng anh B cho rằng những mâu thuẫn giữa chị A và anh là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống có thể tự hòa giải được.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị A và anh B đoàn tụ nhưng chị A cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Còn anh B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, qua đó có thể thấy anh B cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị A cương quyết xin ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Anh B và chị A đều thống nhất xác định anh chị có 02 người con chung là cháu C, sinh ngày 03/6/2017; cháu D, sinh ngày 02/8/2018. Cả anh B và chị A đều mong muốn được nuôi cả hai cháu. Căn cứ biên bản ghi lời khai ngày 10/12/2021 anh B xác định *“Tôi làm nghề tài xế cho của hàng vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng Ngọc H; thu nhập một tháng khoản 6.000.000 đồng; công việc của tôi sáng đi chiều tối mới về. Trường hợp giao 02 con chung cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng thì tôi sẽ nhờ mẹ và chị gái ruột của tôi chăm sóc”* qua đó có cơ sở xác định anh B chưa có đủ điều kiện đảm bảo để chăm sóc hai cháu.

Còn chị A xác định chị hiện tại sống cùng mẹ ruột chị và có cửa hàng bán thứ ăn sáng tại Khóm Y, Phường X, thị xã R. Công việc chủ yếu của chị được thực hiện tại nhà, thu nhập ổn định từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, nên có đủ thời gian để chăm sóc hai con. Tại biên bản xác minh trường khóm Y, Phường X, thị xã R cũng xác định hai cháu hiện tại sống với chị A phát triển bình thường và được đi học đầy đủ. Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu có giới tính nữ và còn nhỏ, nên cần thiết có sự chăm sóc của chu đáo của người mẹ và để tránh sự sáo trộn sinh hoạt của hai cháu; đồng thời đảm bảo cho sự phát triển thể chất và tâm sinh lý của các cháu, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị A, giao cháu C và cháu D cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng:

[4.1] Chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con của cha, mẹ khi không trực tiếp nuôi con đó là nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân gia đình. Chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, xét thấy yêu

cầu này của chị A là có cơ sở chấp nhận, nên Tòa án áp dụng vào mức lương tối thiểu và mức cấp dưỡng không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 745.000 đồng/tháng/con. Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung 1.490.000 đồng/tháng/hai con, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 11/02/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị A đều thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị A phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng anh B phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A. Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung:

- Giao con chung cháu C, sinh ngày 02/8/2018 và D, sinh ngày 03/6/2017 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu C và cháu D hiện đang sống cùng với chị A nên được giữ nguyên.

- Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu C, sinh ngày 02/8/2018 và cháu D, sinh ngày 03/6/2017 là 1.490.000 đồng/tháng/hai con, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 11/02/2022 cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai

thu số: 0003747, ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

5.2. Án phí cấp dưỡng: Buộc anh B có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy